TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẢO LẠC** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 31/2018/HS-ST
Ngày 24/10/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LẠC - TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tô Thị Thùy Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nông Thị Nguyệt

Bà Nguyễn Thùy Linh

- Thư ký phiên tòa: Ông Đàm Nhật Hoàng - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Ông Bế Sư Chưởng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 25/2018/HSST ngày 19 tháng 9 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2018/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 10 năm 2018 đối với:

Bị cáo **Lãnh Văn Đ**, sinh ngày 08 tháng 4 năm 1981

Nơi sinh: Xã X, huyện B, tỉnh C

Nơi cư trú: Xóm T, xã X, huyện B, tỉnh C

Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hóa: 02/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam

Con ông Lãnh Văn C sinh năm 1945 (đã chết) và bà Mông Thị P sinh năm 1949; Vợ: Tô Thị T sinh năm 1982; Con: có 02 (hai), con cả sinh năm 2005, con út sinh năm 2010.

Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt tại phiên tòa).

** Bị hại:*

- Ông Lãnh Văn C1, sinh năm 1969; Nơi cư trú: Xóm T, xã X, huyện B, tỉnh C (Có mặt tại phiên tòa).

- Bà Tô Thị K, sinh năm 1982; Nơi cư trú: Tổ dân phố 7, thị trấn B, huyện B, tỉnh C (Có mặt tại phiên tòa).

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Ông Triệu Đình C2, sinh năm 1988; Nơi cư trú: Xóm L, xã X, huyện B, tỉnh C (Có mặt tại phiên tòa).

** Người làm chứng:* Ông Nông Văn N, sinh năm 1995; Nơi cư trú: Xóm N, xã X, huyện B, tỉnh C (Vắng mặt tại phiên tòa không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 40 phút ngày 01/7/2018 Nông Văn N điều khiển xe máy nhãn hiệu Honda, loại Wave alpha, biển kiểm soát 11L1-093.25 chở Lãnh Văn Đ đến xóm C, xã X, huyện B, tỉnh C chơi thì gặp ông Lãnh Văn C1 đang dựng xe máy nhãn hiệu Honda, loại Future, biển kiểm soát 11L1-075.67 tại lề đường thuộc xóm C, xã X, huyện B, tỉnh C. Sau khi dựng xe, ông C1 đi bộ vào nhà ông Hầu A X để mua gà. Khi đó, N cũng đi bộ vào nhà ông X chơi. Sau khi ông C1 và ông N đi vào nhà ông X, Đ ngồi lên yên xe máy của ông C1 thấy cốp xe không đóng, Đ nảy sinh ý định mở cốp xe nếu có tài sản sẽ lấy trộm. Đ xuống xe, mở cốp xe thấy trong cốp có 01 (Một) ví da màu đen bên trong có nhiều tiền mặt. Đ quan sát xung quanh thấy không có người, Đ cầm ví đi bộ cách chỗ dựng xe khoảng 10m (Mười mét) thì rút tiền trong ví đút vào trong túi quần và vứt ví xuống đám rẫy ngô gần đường. Sau khi lấy trộm tiền Đ đi bộ ra đường tỉnh lộ 204, quá trình đi Đ đếm số tiền vừa trộm được là 8.200.000 đồng (Tám triệu hai trăm nghìn đồng). Đ đi bộ đến ngã ba cách chỗ trộm tiền khoảng 50m (Năm mươi mét) và chờ N tại đây. N điều khiển xe máy đến, Đ rủ N đến xóm L, xã X, huyện B, tỉnh C để chơi bi a. Chơi được khoảng 30 phút N điều khiển xe máy chở Đ quay về nhà, Đ thanh toán tiền chơi bi a với số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng). Trên đường về Đ phát hiện ông C1 điều khiển xe máy đuổi theo sau, do lo sợ ông C1 phát hiện nên Đ đã bảo N đi nhanh hơn và Đ nói cho N biết Đ đã trộm tiền của ông C1. Ông C1 điều khiển xe máy đuổi theo Đ và N nhưng không đuổi được. Đ đã ném số tiền còn lại xuống rẫy ngô gần đường và đi về nhà. Sau đó, ông C1 đến nhà N để hỏi chuyện do ông C1 nghi ngờ N và Đ đã trộm tiền của mình; N nói không được trộm tiền, Đ đã trộm tiền của ông C1, N đã gọi điện thoại cho Đ. Sau khi nhận được điện thoại của N, Đ quay lại vị trí đã vứt tiền, ví và mang ví và số tiền 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng) trả lại cho ông C1 tại nhà N.

Cùng ngày 01/7/2018 ông Lãnh Văn C1 có đơn trình báo đến Công an huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng về việc bị mất trộm số tiền 8.200.000 đồng (Tám triệu hai trăm nghìn đồng).

Ngày 02/7/2018 ông Lãnh Văn C1 giao nộp vật chứng là số tiền 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng) gồm 16 tờ mệnh giá 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) và 01 (một) ví da cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng.

Ngày 04/7/2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng đã ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Lãnh Văn Đ.

Trong quá trình điều tra Lãnh Văn Đ khai nhận: Chiều ngày 01/7/2018 Đ đã lấy trộm số tiền 8.200.000 đồng (Tám triệu hai trăm nghìn đồng) trong cốp xe máy của ông Lãnh Văn C1. Trước đó, vào ngày 22/6/2018 Đ đã có hành vi bẻ cốp xe máy của chị Tô Thị K tại xóm T, xã X, huyện B, tỉnh C lấy trộm 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu vàng, đã qua sử dụng và số tiền 540.000 đồng (Năm trăm bốn mươi nghìn đồng). Sau đó, Đ lấy chiếc điện thoại đã trộm được của chị K bán cho ông Triệu Đình C2 trú tại xóm L, xã X, huyện B, tỉnh C với số tiền 1.600.000 đồng (Một triệu sáu trăm nghìn đồng). Đ đã tiêu hết số tiền trộm của chị K và tiền bán điện thoại vào mục đích tiêu sài cá nhân.

Ngày 09/7/2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng ra Quyết định trưng cầu định giá tài sản. Tại bản kết luận định giá tài sản số 09/BB-HĐĐG ngày 16/7/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện Bảo Lạc kết luận: 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, màu vàng, số Imel1 866346032441537, số Imel2 866346032441529, đã qua sử dụng có giá trị là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng).

Tại bản Cáo trạng số 25/CT-VKSBL ngày 17/9/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng đã truy tố bị cáo Lãnh Văn Đ về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015;

Tại phiên tòa Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Lãnh Văn Đ theo như bản Cáo trạng đã nêu. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự 2015 tuyên bố bị cáo Lãnh Văn Đ phạm tội "Trộm cắp tài sản" xử phạt bị cáo từ 18 (Mười tám) đến 24 (Hai mươi tư) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Lãnh Văn Đ trả lại số tiền 1.600.000 đồng (Một triệu sáu trăm nghìn đồng) cho ông C2 vì ông C2 đã mua lại điện thoại với Đ; Buộc bị cáo phải bồi thường cho bà Tô Thị K số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đối với những tài sản của bà K đã bị mất không tìm lại được.

Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 buộc bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị hại ông Lãnh Văn C1 trình bày: Chiều ngày 01/7/2018 ông điều khiển xe máy đến nhà ông Hầu A X tại xóm C, xã X, huyện B, tỉnh C để mua gà. Ông dựng xe máy cách nhà ông X khoảng 20m (Hai mươi mét), khi ông dựng xe máy thì gặp Đ và C1. Ông và N đi vào nhà ông X, Đ không vào mà đứng ở chỗ ông dựng xe. N vào nhà ông X một lúc thì đi ra, ông nhìn thấy N ngồi trên yên xe máy của ông. Sau khi mua được gà, ông quay ra xe để lấy tiền trong cốp xe trả tiền mua gà, khi mở cốp xe thì phát hiện ví tiền trong cốp không còn, Đ và N cũng không có mặt tại đây. Tổng số tiền ông để trong ví là 8.200.000 đồng (Tám triệu hai trăm nghìn đồng). Ông điều khiển xe máy đi tìm N và Đ, ông đến nhà N hỏi N có được trộm tiền của ông không, N nói N không trộm tiền của ông, Đ là người trộm tiền. Sau đó, N gọi điện thoại cho Đ, Đ đã mang ví và số tiền 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng)

đến trả cho ông tại nhà N. Hiện nay ông đã nhận đủ số tiền bị mất trộm là 8.200.000 đồng (Tám triệu hai trăm nghìn đồng) ông yêu cầu xử lý Đ theo quy định của pháp luật.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị hại bà Tô Thị K trình bày: Ngày 22/6/2018 bà điều khiển xe máy từ thị trấn B, huyện B, tỉnh C đến xóm T, xã X, huyện B, tỉnh C để làm ruộng. Bà dựng xe máy ở lề đường thuộc xóm T, xã X. Khoảng 11 giờ cùng ngày cấy lúa xong, bà phát hiện bị kẻ gian lấy trộm 01 (một) ví da màu tím than để trong cốp xe máy. Bên trong ví có: 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu vàng, 06 (Sáu) tờ hóa đơn thu cước của Viễn thông VNPT và tiền Việt Nam; Bà không nhớ cụ thể là bao nhiêu tiền, chỉ nhớ có 01 (Một) tờ mệnh giá 100.000 đồng (Một trăm nghìn đồng), 01 (Một) tờ có mệnh giá 50.000 đồng (Năm mươi nghìn đồng), 01 (Một) tờ có mệnh giá 20.000 đồng (Hai mươi nghìn đồng) và nhiều mệnh giá tiền lẻ khác. Hiện nay bà đã nhận lại số tiền 540.000 đồng (Năm trăm bốn mươi nghìn đồng) và điện thoại nhãn hiệu Oppo màu vàng. Tại phiên tòa, bà yêu cầu xử lý Đ theo quy định của pháp luật và yêu cầu Đ bồi thường cho bà: 01 (một) ví da màu tím than với số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng); 01 (Một) ốp lưng điện thoại với số tiền 50.000 đồng (Năm mươi nghìn đồng); Bà làm lại 02 (hai) sim điện thoại, chi phí làm mỗi sim là 25.000 đồng (Hai mươi năm nghìn đồng). Tổng số tiền bà yêu cầu bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho bà là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Triệu Đình C2 trình bày: Chiều ngày 24/6/2018 ông có mua với Đ 01 (Một) điện thoại di động, nhãn hiệu Oppo, màu vàng với số tiền là 1.600.000 đồng (Một triệu sáu trăm nghìn đồng). Khi mua Đ nói với ông điện thoại này do Đ nhặt được, ông không biết điện thoại do Đ trộm cắp mà có. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng đã thu giữ điện thoại này. Ông yêu cầu Đ phải thanh toán cho ông số tiền 1.600.000 đồng (Một triệu sáu trăm nghìn đồng).

Trong quá trình giải quyết vụ án người làm chứng ông Nông Văn N trình bày: Chiều ngày 01/7/2018 ông điều khiển xe máy có biển kiểm soát 11L1-093.25 chở Đ đến xóm C, xã X, huyện B, tỉnh C chơi thì gặp ông Lãnh Văn C1 đang dựng xe máy nhãn hiệu Honda, loại Future, biển kiểm soát 11L1-075.67 tại lề đường thuộc xóm C, xã X, huyện B, tỉnh C. Ông C1 đi vào nhà ông X, ông cũng đi vào theo sau ông C1. Sau khi vào nhà ông X một lúc, ông quay ra chỗ dựng xe thì không thấy Đ. Ông điều khiển xe máy đi ra đến ngã ba thì thấy Đ đang ở đó, ông chở Đ đến xóm L, xã X, huyện B, tỉnh C để chơi bi a. Chơi được khoảng 30 phút thì quay về, Đ nói ông điều khiển xe máy đi nhanh, ông có thắc mắc thì Đ nói Đ trộm tiền trong cốp xe máy của ông C1, ông C1 đang điều khiển xe máy đuổi theo. Khi Đ nói thì ông mới biết Đ đã trộm tiền của ông C1. Đ và ông không được bàn bạc về việc trộm tiền. Ông C1 đến nhà ông, ông gọi điện thoại cho Đ, Đ đã mang ví và số tiền 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng) đến trả cho ông C1 tại nhà của ông.

Bị cáo Lãnh Văn Đ nhận thấy hành vi của mình là sai, là vi phạm pháp luật xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị cáo Lãnh Văn Đ thừa nhận bản Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố là đúng. Hội đồng xét xử xét thấy lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của các bị hại, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, phù hợp với lời khai của người làm chứng, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ.

Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự đối với mọi hành vi do mình gây ra. Bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp; Khoảng 16 giờ ngày 01/7/2018 bị cáo đã lén lút chiếm đoạt số tiền 8.200.000 đồng (Tám triệu hai trăm nghìn đồng) của ông Lãnh Văn C1; Trước đó, vào ngày 22/6/2018 bị cáo đã bẻ cốp xe máy của bà Tô Thị K lấy trộm số tiền 540.000 đồng (Năm trăm bốn mươi nghìn đồng) và 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, màu vàng; Tổng số tài sản trộm cắp của bà K có giá trị 2.040.000 đồng (Hai triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng). Hành vi của bị cáo đã xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự an ninh xã hội ở địa phương.

Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015 quy định: "1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm".

Như vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản.

Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo Lãnh Văn Đ về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Bị cáo Lãnh Văn Đ sinh ra và lớn lên tại xã X, huyện B, tỉnh C. Được đi học hết lớp 2 thì bỏ học, bị cáo là người có sức khỏe lao động, được sống trong môi trường xã hội lành mạnh chỉ vì ham muốn lợi ích trước mắt, không làm chủ được bản thân mình nên đã dấn thân vào con đường phạm tội. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là sai, là vi phạm

pháp luật, nhưng vẫn bất chấp thực hiện. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; Bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả bằng cách giao nộp số tiền 740.000 đồng (Bảy trăm bốn mươi nghìn đồng) để hoàn trả lại số tiền đã lấy trộm của ông C1 và bà K. Hội đồng xét xử xét thấy cần cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ tại điểm điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015. Tuy nhiên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng "Phạm tội 02 lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự 2015. Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải xử lý bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc để cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để giáo dục, cải tạo bị cáo thành người có ích cho gia đình và xã hội.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Ông Triệu Đình C2 đề nghị Hội đồng xét xử xem xét buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường số tiền 1.600.000 đồng (Một triệu sáu trăm nghìn đồng) là tiền ông C2 đã dùng để mua điện thoại với bị cáo. Bà Tô Thị K yêu cầu bị cáo có trách nhiệm bồi thường đối với những tài sản bị mất trộm gồm: 01 (Một) ví da màu tím than, 01 (Một) ốp lưng điện thoại di động, chi phí làm lại 02 (Hai) thẻ sim với tổng số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của ông C2 và bà K là chính đáng và cần được chấp nhận.

[5] Vật chứng của vụ án bao gồm: Số tiền 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng) và 01 (một) ví da màu đen của ông Lãnh Văn C1; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, màu vàng của bà Tô Thị K; 01 (một) xe máy nhãn hiệu Honda, loại WaveAlpha, biển kiểm soát 11L1-093.25 và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, màu hồng của ông Nông Văn N; Số tiền 540.000 đồng (Năm trăm bốn mươi nghìn đồng) Lãnh Văn Đ giao nộp để hoàn trả cho bà Tô Thị K; Số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) Lãnh Văn Đ giao nộp để hoàn trả cho ông Lãnh Văn C1. Toàn bộ vật chứng của vụ án đã được trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là ông Lãnh Văn C1, bà Tô Thị K và ông Nông Văn N. Ông C1, bà K, ông N đã nhận lại tài sản và không có ý kiến gì về vật chứng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của Pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017: Tuyên bố bị cáo Lãnh Văn Đ phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017: Xử phạt bị cáo Lãnh Văn Đ 18 (Mười tám) tháng tù, tính từ ngày bị cáo vào trại thụ hình.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015

Buộc bị cáo Lãnh Văn Đ phải bồi thường cho ông Triệu Đình C2 số tiền là 1.600.000 đồng (Một triệu sáu trăm nghìn đồng) và bồi thường cho bà Tô Thị K số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền nêu trên cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh do chậm trả của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3.Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Bị cáo Lãnh Văn Đ phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nộp công quỹ nhà nước.

Án xử sơ thẩm có mặt bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, VKSND huyện;
- Sở Tư pháp;
- Chi cục THADS huyện;
- Công an huyện, Nhà tạm giữ;
- UBND xã X;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TÔ THỊ THÙY NGÂN